

Số: **206** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **30** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Thông tin và Truyền thông**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Cục trưởng Cục An toàn thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP, CATT (17).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hồng

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2060/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Thông tin và Truyền thông

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|--|---|------------------------------|------------------------------|
| Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng | Công nghệ thông tin, điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 2 | Cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng | Công nghệ thông tin, điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

1. Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

| | |
|-----------------------------|---|
| Trình tự thực hiện: | <p>Doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng nộp hồ sơ đề nghị tại Bộ Thông tin và Truyền thông.</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra và thông báo cho doanh nghiệp nộp hồ sơ biết về tính hợp lệ của hồ sơ sau 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ. Đối với hồ sơ không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo cho doanh nghiệp nộp hồ sơ và nêu rõ yếu tố không hợp lệ. Doanh nghiệp có quyền nộp lại hồ sơ bổ sung hoặc văn bản giải trình tính hợp lệ.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) thẩm định và cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng; trường hợp từ chối cấp thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.</p> |
| Cách thức thực hiện: | <ul style="list-style-type: none">- Nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông;- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;- Nộp trực tuyến. |
| Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng: bản sao;- Giấy chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy: bản sao có chứng thực, trường hợp bản sao không có chứng thực thì mang bản chính để đối chiếu;- Tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng của sản phẩm đề nghị nhập khẩu: bản sao, bằng tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh. |

| | |
|--|---|
| | 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ. |
| Thời hạn giải quyết: | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| Đối tượng thực hiện TTHC: | Tổ chức, doanh nghiệp |
| Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng |
| Lệ phí/phí: | 200.000/lần cấp |
| Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (Mẫu số 01 – Phụ lục II, Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông); |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | <p>Doanh nghiệp được cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Giấy phép kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng; - Sản phẩm an toàn thông tin mạng phải thực hiện chứng nhận, công bố hợp quy theo quy định tại Điều 39 của Luật An toàn thông tin mạng; - Đối tượng và mục đích sử dụng sản phẩm an toàn thông tin mạng không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. |
| Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng; - Thông tư số 269/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ |

thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin.

Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Thông tư quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

- Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;

- Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;

- Căn cứ Thông tư số /2018/TT-BTTTT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng với các nội dung sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp:
2. Người đại diện theo pháp luật:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do
cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Địa chỉ trụ sở chính:
5. Điện thoại: 6. Thư điện tử:
7. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng số
do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày ... tháng ... năm

Phần 2. Sản phẩm nhập khẩu

1. Tên sản phẩm:

2. Ký hiệu:
3. Tính năng về an toàn thông tin:
4. Số lượng:
5. Hãng sản xuất:
- (Nếu có nhiều sản phẩm thì lập danh mục kèm theo đơn)*
6. Mục đích nhập khẩu:

Phần 3. Hồ sơ kèm theo

1.
2.
3.
-

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

2. Cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

| | |
|--|--|
| Trình tự thực hiện: | <p>Trong trường hợp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng còn hiệu lực và bị mất hoặc bị hư hỏng, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).</p> <p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng cho doanh nghiệp.</p> |
| Cách thức thực hiện: | <ul style="list-style-type: none">- Nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông;- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;- Nộp trực tuyến. |
| Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| Thời hạn giải quyết: | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ |
| Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Tổ chức, Doanh nghiệp |
| Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng |
| Lệ phí/phí: | 100.000/lần cấp |
| Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng (Mẫu số 02 – Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông). |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không có |

| | |
|---|---|
| <p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> | <ul style="list-style-type: none">- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015;- Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;- Thông tư số 269/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí thuộc lĩnh vực an toàn thông tin;- Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Thông tư quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng. |
|---|---|

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin)

- Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng;
- Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;
- Căn cứ Thông tư số /2018/TT-BTTTT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Người đại diện theo pháp luật:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Điện thoại: 5. Thư điện tử:
6. Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng số ... do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày ... tháng ... năm.....
7. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:

(Tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)